

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK NÔNG**

Bản án số: 09/2021/HNGĐ-PT

Ngày 29-12-2021

*“Tranh chấp yêu cầu chia tài  
sản chung sau khi ly hôn”*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Thông

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Tài Sử và ông Nguyễn Anh Ứng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trương Thị Thúy là Thư ký của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa:**  
Bà Nguyễn Thị Thanh Hòa – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2021/TLPT-DS ngày 08 tháng 11 năm 2021 về *“Tranh chấp về chia tài sản chung sau khi ly hôn”*.

Do Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 18/2021/HNGĐ-ST, ngày 28 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 08/2021/QĐ-PT ngày 29-11-2021, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Trương Thị Ngọc L; địa chỉ: Thôn 18, xã H1, Tp B, tỉnh Đắk Lắk - Có mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Bà Cao Thị H3 là Luật sư của Văn phòng luật sư An Việt Luật, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: 129/20 đường A ma khô, phường T3, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Có mặt.

**- Bị đơn:** Anh Phạm Văn T; địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt

*Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:* Anh Nguyễn Văn Đ; địa chỉ: Số 28/50 Cách mạng tháng 8, khu phố Chánh Lộc 3, phường C, thành phố Th, tỉnh Bình Dương - Có mặt.

*- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Anh Nguyễn Mạnh H, chị Phạm Thị N; cùng địa chỉ: Thôn T2, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt

*Người đại diện theo ủy quyền:* Anh Phùng Văn H4; địa chỉ: Tổ 3, khu phố 8, phường U, thị xã TU, tỉnh Bình Dương - Có mặt.

Anh Lê Trung Đ, chị Bàn Thị T2; cùng địa chỉ: Thôn T2, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bà Cao Thị L; địa chỉ: Thôn Q, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

*- Người kháng cáo:* Chị Trương Thị Ngọc L – Có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trương Thị Ngọc L trình bày:*

Chị Trương Thị Ngọc L và anh Phạm Văn T kết hôn với nhau vào năm 2009, đến ngày 27/5/2015, được Tòa án nhân dân huyện Krông Nô giải quyết cho ly hôn theo Quyết định số: 19/2015/QĐST-HNGĐ. Khi ly hôn thì anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Ngày 14/6/2015, anh chị có lập giấy phân chia tài sản với nội dung chị L nhận 120.000.000 đồng, còn rẫy cà phê và rẫy cao su hoặc những tài sản khác nếu có thuộc quyền sở hữu của anh T. Về nợ Ngân hàng chị L có trách nhiệm trả, còn khoản nợ của chị Hà, anh K1, anh T4, bà NG thì anh T chịu trách nhiệm trả. Chị L đã nhận đủ 120.000.000 đồng và đưa giấy tờ mua hai thửa đất rẫy cho anh T giữ.

Chị L cho rằng L do chị ký vào giấy phân chia tài sản là vì thời điểm mua đất rẫy chị đã dùng bằng lương để tín chấp cho Ngân hàng vay vốn, đã quá thời hạn trả nợ Ngân hàng yêu cầu thanh toán mà lương của chị L không đủ trả, trong khi đó gia đình anh T lại ép chị L phải ký vào giấy phân chia tài sản do bà Cao Thị NG (mẹ anh T) đã viết sẵn, mới đưa tiền để chị trả nợ ngân hàng. Trong lúc quá khó khăn buộc chị phải ký, nay chị xét thấy nội dung giấy phân chia tài sản là không phù hợp, hai thửa đất có giá trị lớn hơn rất nhiều và chị còn phải trả các khoản nợ vay tại Ngân hàng Quỹ tín dụng tại huyện Krông Ana 140.000.000 đồng gốc; Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín chi nhánh Đắk Nông 450.000.000 đồng gốc; Ngân hàng Đông Á chi nhánh Cư Jút 60.000.000 đồng gốc. Do đó, chị khởi kiện yêu cầu Tòa tuyên bố văn bản chia tài sản không có hiệu lực pháp luật. Chị yêu cầu được chia thửa đất số 23, tờ bản đồ số 62, diện tích 25.199.2 m<sup>2</sup>, tài sản trên đất có cây cà phê, cao su và thửa đất số 14, tờ bản đồ số 62, diện tích 10.504.56m<sup>2</sup>, trên đất có cây cà phê và cây ăn quả, ao. Đất tọa lạc tại thôn Tân Lập, xã Nam Nung, huyện Krông Nô, chia theo tỷ lệ chị L được nhận 2/3 và anh T được nhận 1/3 tổng giá trị tài sản theo biên bản định giá tài sản,

vì số tiền mua rẫy là do chị vay khấu trừ vào lương, nên chị có công sức đóng góp nhiều hơn.

Về nợ chung: Ngoài các khoản nợ vay tại Ngân hàng nêu trên thì anh chị còn nợ anh K1 5.000.000 đồng tiền thuốc sâu; Nợ chị Nguyễn Thị Hà 13.000.000 đồng tiền mua tạp hóa, các khoản nợ trên chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn anh Phạm Văn T trình bày:*

Việc ly hôn và nội dung giấy phân chia tài sản như chị L trình bày trên là đúng. Anh T được quyền sở hữu 02 thửa đất rẫy và có trách nhiệm trả nợ cho chị H5 14.000.000 đồng, anh T4 10.000.000 đồng, anh K1 5.000.000 đồng và bà Cao Thị NG (mẹ anh T) 97.697.000 đồng. Chị L được nhận 120.000.000 đồng và chịu trách nhiệm trả nợ ngân hàng, việc thỏa thuận là tự nguyện. Đến cuối năm 2015, anh T chuyển nhượng toàn bộ thửa đất số 23 và thửa đất số 14, tờ bản đồ số 62 cho anh Nguyễn Mạnh H, chị Phạm Thị N với số tiền 310.000.000 đồng, việc chuyển nhượng bằng giấy viết tay vì đất chưa được cấp giấy chứng nhận.

Về nợ chung: Nợ bà Cao Thị NG (mẹ đẻ anh T) số tiền 97.697.000.000 đồng anh T đã thanh toán cho bà NG; nợ anh Nguyễn Văn T4 10.000.000 đồng; nợ anh K1 5.000.000 đồng; nợ chị Nguyễn Thị H5 14.000.000 đồng, anh T đã trả nợ xong nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ ngân hàng (không nhớ chính xác) ở huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk khoảng 100.000.000 đồng, chị L đã thanh toán nợ cho Ngân hàng.

Nay chị L khởi kiện yêu cầu chia lại tài sản chung thì anh T không chấp nhận.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập anh Nguyễn Mạnh H, chị Phạm Thị N trình bày:*

Ngày 10/12/2015, anh H, chị N có nhận chuyển nhượng của anh Phạm Văn T thửa đất số 23, tờ bản đồ số 62, diện tích 25.199.2 m<sup>2</sup> và thửa đất số 14, tờ bản đồ số 62, diện tích 10.504.56m<sup>2</sup> cùng toàn bộ tài sản gắn liền trên hai thửa đất, giá chuyển nhượng 310.000.000 đồng, đã trả đủ tiền và nhận đất sử dụng.

Đến năm 2018, anh chị đã chuyển nhượng cho chị Bàn Thị T2, anh Lê Trung Đ khoảng 01ha rẫy cây cà phê với giá 450.000.000 đồng. Năm 2017 anh chị chuyển nhượng cho bà Cao Thị L khoảng 2,5ha đất rẫy đã trồng cao su, cà phê với giá 250.000.000 đồng. Việc chuyển nhượng bằng giấy viết tay vì đất chưa được cấp giấy chứng nhận.

Nay chị L khởi kiện yêu cầu chia lại tài sản anh chị không đồng ý, yêu cầu Tòa án công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa anh T với anh H, chị N có hiệu lực pháp luật.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Trung Đ, chị Bàn Thị T2, bà Cao Thị L trình bày:*

Việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất như anh H, chị N trình bày như trên là đúng. Tuy nhiên, anh Đ, chị T2, bà L đã giao lại phần diện tích đất đã nhận chuyển nhượng cho anh H, chị N quản lý, sử dụng. Việc chị L khởi kiện yêu cầu Tòa án chia tài sản chung sau ly hôn không liên quan gì. Anh Đ, chị T2, bà L không có yêu cầu độc lập, sau này có tranh chấp thì anh Đ, chị T2, bà L sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

*Bà Lang Thị H6 trình bày:* Trước đây vợ chồng bà H6 có chuyển nhượng cho anh T, chị L một lô đất rẫy có diện tích khoảng 02 ha, tài sản trên đất có cây cà phê, đất chưa được cấp giấy chứng nhận. Anh T, chị L đã giao đủ tiền và nhận đất sử dụng, từ đó đến nay không có tranh chấp. Việc chị L khởi kiện chia tài sản chung sau khi ly hôn trong đó có thửa đất trước đây mua của vợ chồng bà H6 thì bà không có ý kiến gì.

*Ông Nguyễn Văn T4, bà Đỗ Thị Ánh trình bày:*

Chị Ánh là đồng nghiệp với chị L, nên vợ chồng chị có cho anh T, chị L vay 10.000.000 đồng, nhưng không nhớ cho vay năm nào. Số tiền trên anh T là người trực tiếp trả nợ cho anh T4, chị Ánh. Việc chị L khởi kiện chia tài sản chung sau ly hôn thì anh chị không có liên quan gì.

*Bà Cao Thị NG trình bày:* Khi chị L và anh T còn là vợ chồng có vay tiền của bà NG nhiều lần, nhưng không làm hợp đồng vay tài sản. Đến cuối năm 2014 chị L có đưa cho bà một tờ giấy và nói đây là những khoản tiền anh chị còn nợ của bà với tổng số tiền là 97.697.000 đồng. Số nợ này chị L thỏa thuận trong giấy chia tài sản chung để anh T có trách nhiệm trả. Đến cuối năm 2015, anh T bán rẫy trả hết nợ cho bà, nên bà không có yêu cầu gì trong vụ án này.

*Chị Nguyễn Thị H5 trình bày:* Chị L, anh T có nợ của chị H5 là khoảng 14.000.000 đồng. Đến khoảng cuối năm 2015 thì anh T đã trả hết số tiền trên cho chị. Nay chị L khởi kiện yêu cầu Tòa án chia tài sản chung sau ly hôn thì chị không có liên quan gì, nên chị từ chối tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 18/2021/DS-ST ngày 28-9-2021 của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô đã quyết định:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị Ngọc L đối với yêu cầu phân chia tài sản chung sau ly hôn là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại các thửa đất gồm: Thửa đất số 23, tờ bản đồ số 62 có diện tích 25.199.2 m<sup>2</sup>, tài sản trên đất có cây cà phê, cao su; Thửa đất số 14, tờ bản đồ số 62 có diện tích 10.504.56m<sup>2</sup>, trên đất có cây cà phê và cây ăn quả, ao. Địa chỉ các thửa đất tại: Thôn Tân Lập, xã Năm Nung, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông.

2. Chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Mạnh H, chị Phạm Thị N, công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 15/12/2015 giữa người chuyển nhượng là anh Phạm Văn T và

người nhận chuyển nhượng là anh Nguyễn Mạnh H, chị Phạm Thị N là có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 11 tháng 10 năm 2021 nguyên đơn chị Trương Thị Ngọc L có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận đơn khởi kiện, đơn kháng cáo của chị L.

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo và trình bày những nội dung như trong quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết phân chia tài sản chung cho chị theo quy định của pháp luật. Các đương sự khác vẫn khai những nội dung như trong quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm và cho rằng chị L khởi kiện là không có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị L giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại Giấy phân chia tài sản giữa anh T và chị L lập ngày 14/6/2015 và giấy sang nhượng đất giữa anh T với anh H, chị N là chưa đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật, đất chưa được cấp giấy chứng nhận, chưa làm thủ tục sang tên quyền sử dụng đất, nên chưa có giá trị pháp lý, nhưng cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L và công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 15/12/2015 giữa anh T với anh H, chị N có hiệu lực là không phù hợp, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của chị L. Mặt khác, các tài liệu, chứng cứ về nguồn gốc đất, giấy phân chia tài sản, giấy sang nhượng đất đều là bản phô tô là không đúng theo quy định tại Điều 95 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị L, hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Đơn kháng cáo của chị L làm trong hạn luật định đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là đúng pháp luật.

- Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: Sau khi phân tích, đánh giá các chứng cứ có trong hồ sơ, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chấp nhận kháng cáo của chị Trương Thị Ngọc L, hủy toàn bộ bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Krông Nô giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của chị Trương Thị Ngọc L làm trong hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là đúng pháp luật.

[2]. Về nội dung: Xét kháng cáo của chị Trương Thị Ngọc L, Hội đồng xét xử xét thấy cấp sơ thẩm còn vi phạm và Tếu sót cụ thể như sau:

[2.1]. Quá trình giải quyết, chị L khai có nợ Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín chi nhánh Đắk Nông số tiền 450.000.000 đồng. Nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không thu thập hồ sơ vay vốn để xác định thời điểm vay, nợ chung hay nợ riêng, chứng cứ về việc trả tiền để đưa Ngân hàng vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là thiếu sót.

[2.2]. Lời khai của anh T tại biên bản lấy lời khai ngày 29/4/2020 (BL 520) và tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền của bị đơn khai nguồn tiền mua hai thửa đất số 14 và 23 là do anh T, chị L vay của ông N5, bà NG nhưng cấp sơ thẩm không hỏi cụ thể vay số tiền bao nhiêu, hiện nay đã trả chưa để đưa họ vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là thiếu sót.

[2.3]. Ngày 14/6/2015, anh T và chị L có lập giấy phân chia tài sản với nội dung chị L nhận 120.000.000 đồng, còn rẫy cà phê và rẫy cao su hoặc những tài sản khác nếu có thuộc quyền sở hữu của anh T. Về nợ Ngân hàng chị L có trách nhiệm trả, còn khoản nợ của chị H5, anh K1, anh T4, bà NG thì anh T chịu trách nhiệm trả. Chị L đã nhận đủ 120.000.000 đồng và đưa giấy tờ mua hai thửa đất rẫy cho anh T giữ.

Nguồn gốc thửa đất thứ nhất anh T, chị L nhận chuyển nhượng của ông Y Wen, bà Lang Thị H6 vào ngày 30/12/2010, diện tích khoảng 3,7ha. Thửa thứ hai nhận chuyển nhượng của ông Quách Văn Q vào ngày 26/10/2012, diện tích khoảng 01ha. Ngày 10/12/2015, anh T chuyển nhượng cho anh Nguyễn Mạnh H, chị Phạm Thị N toàn bộ diện tích đất mà anh được chia khoảng 4,7ha với giá 310.000.000 đồng. Ngày 11/5/2018, anh H, chị N sang nhượng cho chị Bàn Thị T2 diện tích khoảng 01ha đất rẫy cà phê với giá 450.000.000 đồng. Đến tháng 10/2018 chuyển nhượng cho bà Cao Thị L diện tích khoảng 2,5ha đất trồng cao su, các lần chuyển nhượng đều viết giấy tay. Tuy nhiên, tài liệu, chứng cứ chứng minh về nguồn gốc đất và chuyển nhượng đều là bản phô tô, không phải là bản chính hoặc bản sao có công chứng, chứng thực nên không được coi là chứng cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 95 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Quá trình giải quyết, chị L có đơn đề nghị hủy văn bản phân chia tài sản ngày 14/6/2015 (BL 332), nhưng phần quyết định của bản án không tuyên chấp nhận

hay không chấp nhận yêu cầu của chị L đối với nội dung này. Cấp sơ thẩm nhận định việc thỏa thuận phân chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, từ đó không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L về việc chia tài sản đối với 02 thửa đất chưa phù hợp. Tại khoản 2 Điều 39 của Luật Hôn nhân và đình quy định:

*2. “Trường hợp tài sản được chia mà theo quy định của pháp luật, giao dịch liên quan đến tài sản đó phải tuân thủ theo hình thức nhất định thì việc chia tài sản chung của vợ chồng có hiệu lực từ thời điểm việc thỏa thuận tuân thủ hình thức mà pháp luật quy định”.*

Như vậy, anh T, chị L lập giấy phân chia tài sản chung là quyền sử dụng đất chưa được cấp giấy chứng nhận, không tuân thủ theo hình thức mà pháp luật quy định, không có công chứng, chứng thực và cũng chưa đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền, nên chưa phát sinh hiệu lực.

[4]. Đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 10/12/2015 giữa anh T với anh H, chị N chỉ làm giấy viết tay, không có công chứng, chứng thực của cơ quan có thẩm quyền, tại thời điểm chuyển nhượng đất chưa có giấy chứng nhận là vi phạm điểm a khoản 3 Điều 167, khoản 1 Điều 168 và điểm a khoản 1 Điều 188 của Luật đất đai năm 2013. Cấp sơ thẩm nhận định ngày 10/12/2017 anh H, chị N có nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của anh T thửa đất số 23 và 14 anh chị đã thanh toán hết tiền và nhận đất sử dụng, đăng ký vào sổ mục kê năm 2017. Từ đó căn cứ vào khoản 2 Điều 129 của Bộ luật dân sự năm 2015 để công nhận hợp đồng là chưa phù hợp. Bởi lẽ, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa anh T với anh H, chị N được thực hiện vào ngày 10/12/2015 (BL 540), chứ không phải năm 2017 như cấp sơ thẩm nhận định, nên không thể áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết. Do đó, kháng cáo của chị L là có căn cứ, Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[5]. Do cấp sơ thẩm có những vi phạm và thiếu sót như đã phân tích ở trên, tại cấp phúc thẩm không thể bổ sung khắc phục được, nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị L và quan điểm đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn; quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông. Hủy bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 18/2021/DS-ST ngày 28-9-2021 của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Krông Nô giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[7]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do bản án bị hủy nên chị L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho chị L 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308; Điều 310; khoản 3 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### *Tuyên xử:*

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Trương Thị Ngọc L. Hủy bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 18/2021/DS-ST ngày 28-9-2021 của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Krông Nô giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Trả lại cho chị Trương Thị Ngọc L 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai số: 0003042 ngày 15/10/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông.

3. Bản án phúc thẩm có H4 lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

### *Nơi nhận:*

- TAND cấp cao tại Tp. HCM;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- Tòa án nhân dân huyện K Rông Nô;
- Chi cục THADS huyện K ;
- Các đương sự;
- Lưu: Tổ HCTP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

*Đã ký và đóng dấu*

**Phạm Thị Thông**



**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC**

**THẨM**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN**

**TOÀ**

***Nơi nhận:***

- TAND cấp cao tại  
Tp. HCM;

- VKSND tỉnh Đắk  
Nông;

- Tòa án nhân dân  
huyện Đắk Mil;

- Chi Cục THADS  
huyện Đắk Mil;

- Các đương sự;

- Lưu: Tổ HCTP, HS. **Thông**

**Phạm Thị**